TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HS-ST
Ngày 26/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Long.
2. Bà Nguyễn Thị Bạn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 128/2023/HS-ST ngày 28/4/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST-HS ngày 16/5/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị Mỹ T**, sinh ngày 26/9/1996, tại thành phố Hải Phòng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 155/11/18 L, phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 02/1 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần T (đã chết); con bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1971; Bị cáo có cH là Nguyễn Kế T1, sinh năm 1996 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Thị Minh H**, sinh ngày 25/5/1969, tại tỉnh Bình Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 59A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Minh Đ (Đã chết); con bà Trần Thị M, sinh năm 1950; Bị cáo có cH là Ngô Đình T, sinh năm 1972 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 08/01/1966, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 05/1 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn T, sinh năm 1937; con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1938; Bị cáo có cH là Võ Minh T (đã chết) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích T** (tên gọi khác: B), sinh ngày 25/8/1991, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 12, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Hẻm 211 P, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Phi P (đã chết); con bà Nguyễn Cửu Thị T, sinh năm 1954; Bị cáo có cH là Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích N**, sinh ngày 06/6/1986, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 01/1 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 25 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn T, sinh năm 1963; con bà Phạm Thị X, sinh năm 1966; Bị cáo có cH là Nguyễn Minh T, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích P**, sinh ngày 01/6/1994, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 267/7 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Kế T, sinh năm 1962; con bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1963; Bị cáo có cH là Thái Phi V, sinh năm 1989 và có 02 con; con lớn nhất sinh năm 2016; con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Lê Thị B**, sinh ngày 07/01/1951, tại tỉnh Bình Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Công B (đã chết); con bà Võ Thị N (đã chết); Bị cáo có cH là Phạm Văn B (đã chết) và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1973, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án; Tiền sự Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thu T, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

8. Họ và tên: **Lê Thị M**, sinh ngày 16/8/1988, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 06/1 T phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê N (đã chết); con bà Lê Thị T, sinh năm 1957; Bị cáo có cH là Hà Văn T, sinh năm 1968 và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án; Tiền sự Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Lê Tấn L** (tên gọi khác: T), sinh ngày 09/9/1976, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 06/1T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 26 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê N (đã chết); con ông Lê Thị T, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ là Trần Thị H C, sinh năm 1977 và có 02 con; con lớn nhất sinh năm 2010; con nhỏ nhất sinh năm: 2017.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng, về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 70/2018/HSST.

Ngày 12/6/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt 06 tháng tù, về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 155/2020/HSST.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, kể từ ngày 12/02/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Trần Thị Diệu H** (tên gọi khác: B), sinh ngày 27/01/1976, tại Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: 484/1 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Hữu V (đã chết); con bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1953; Bị cáo có cH là Ngô Công L, sinh năm 1973 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 12/02/2022 cho đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Thành C.

Địa chỉ: 357 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 02/02/2023, Trần Thị Mỹ T, Nguyễn Thị Bích T, Lê Thị M đến nhà Nguyễn Thị T, tại phường T, thành phố B chơi. Sau đó rủ nhau chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài Xì lát thì tất cả đồng ý. Sau đó Nguyễn Thị T cho mượn địa điểm, cH1, đĩa, bài tú lơ khơ để đánh bạc và đóng tiền xâu thì T đồng ý. Sau đó, T lấy ra 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, 01 cái đĩa thủy tinh, hình tròn, đường kính 11cm, 01 ống lon sữa hình trụ tròn, in dòng chữ MILO, màu xanh làm công cụ phục vụ đánh bạc, thu tiền xâu và trải 01 chiếc cH1, kích thức (1,50x1,90)m để cho Mỹ T, Bích T, M đánh bạc. Các con bạc thống nhất để Mỹ T làm cái, mỗi ván đặt cược từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng, sau 03 ván người làm cái đóng số tiền xâu là 20.000 đồng và bỏ vào cái ống lon cho T. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Thị Diệu H, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị B và Lê Tấn L lần lượt đến tham gia đánh bạc cùng Mỹ T, Bích T, lúc này M đã nghỉ chơi. Khi tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, Mỹ T mang theo số tiền 620.000 đồng dùng hết vào đánh bạc; H mang theo số tiền 1.600.000 đồng dùng hết vào đánh bạc; Bích T mang theo 1.400.000 đồng dùng hết vào đánh bạc; M mang theo 90.000 đồng dùng hết vào đánh bạc; H1 mang theo số tiền 580.000đồng dùng hết vào đánh bạc; N mang theo số tiền 1.000.000 đồng dùng hết vào đánh bạc; P mang theo số tiền 100.000 đồng dùng hết vào đánh bạc; B mang theo số tiền 40.000 đồng dùng hết vào đánh bạc; L mang theo số tiền 40.000 đồng dùng hết vào đánh bạc. Sau đó, H làm cái đánh bạc cùng với Mỹ T, Bích T, H1, N, P, B, L liên

tục nhiều ván. H nhờ M đứng phía sau giúp cho H việc giám sát những con bạc để tránh gian lận, tráo đổi bài thì M đồng ý. Quá trình đánh bạc, M lấy của bà T 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá mới để giúp H đổi bộ bài mới (H đã vứt bỏ bộ bài cũ, Cơ quan điều tra không thu giữ được). Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, B, L hết tiền nên nghỉ đánh bạc và cùng T ngồi xem, M đứng giám sát các con bạc, còn H đang làm cái cho Mỹ T, Bích T, P, H1, N đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt quả tang. Lúc này Mỹ T cầm số tiền 1.080.000 đồng trước tụ đánh bạc bỏ chạy ra khu vực bếp sau nhà T ném số tiền 1.080.000 đồng qua cửa sổ vào chuồng gà, Cơ quan điều tra đã tạm giữ được số tiền 1.080.000 đồng của Mỹ T. Quá trình đánh bạc, Mỹ T đã đóng 20.000 đồng tiền xâu, H đã đóng 100.000 đồng tiền xâu và T đã lấy được 100.000 đồng tiền xâu. Cơ quan điều tra tạm giữ tại cH1 bạc: 01 cái H1, kích thước (1,50x1,90) m, 01 cái đĩa thủy tinh, đường kính 11cm; 01 bộ bài Tú Lơ Khơ 52 đã qua sử dụng; 01 ống lon sữa hình trụ tròn, in dòng chữ MILO, màu xanh bên trong có số tiền 20.000 đồng tiền xâu.

Cơ quan điều tra tạm giữ tài sản của các con bạc gồm: Số tiền 100.000 đồng của bị can Nguyễn Thị Thúy P; Số tiền 1.090.000 đồng của bị can Nguyễn Thị Bích N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đen, số imei: 355149117758769, đã qua sử dụng của bị can Lê Thị B; Số tiền 1.170.000 đồng của bị can Nguyễn Thị Bích T; Số tiền 600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 10A, màu đen, số imei: 860412069208680, đã qua sử dụng của bị can Lê Thị Minh H; Số tiền 1.280.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu H, số imei: 352615453908021, đã qua sử dụng của bị can Trần Thị Diệu H; Số tiền 30.000 đồng của bị can Lê Thị M; Số tiền 200.000 đồng của bị can Nguyễn Thị T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1010, màu đen, số imei: 359002092188120, đã qua sử dụng của bị can Lê Tấn L.

Hình thức chơi bài xì lát thắng thua bằng tiền như sau:

Người cầm cái xì lát dùng bộ bài Tú lơ khơ 52 lá chia đều cho mỗi tụ chơi 02 quân bài và chia không quá 10 tụ chơi, số bài còn lại được gộp thành một tụ để ở giữa cH1 bạc. Những người tham gia đánh bạc sẽ tính tổng điểm trên 02 quân bài được phát để xác định có bốc thêm bài hay không, cách tính: Các quân bài ghi số từ 2 đến 10 được tính với số điểm tương ứng từ 2 đến 10 điểm; các quân bài J, Q, K được tính là 10 điểm; quân bài A được tính 10 hoặc 11 điểm nếu trên tay người chơi có từ 02 đến 03 lá bài, tính là 01 điểm khi người chơi có từ 04 đến 05 lá bài trên tay. Nếu người chơi tụ con có tổng điểm dưới 16 điểm và dưới 15 điểm đối với người cầm cái thì phải bốc thêm bài từ tụ bài để giữa cH1 bạc và được bốc tối đa không quá 03 quân bài. Nếu người chơi có tổng điểm từ 16 điểm trở lên đối với người chơi tụ con và 15 điểm trở lên đối với người cầm cái thì có quyền bốc thêm bài hoặc không bốc thêm bài. Cách phân định thắng thua cụ thể như sau: Lớn nhất là Xì Bàn gồm 02 quân bài A; tiếp đó là Xì Lát gồm 01 quân bài A và một trong các quân bài 10, J, Q, K; sau đó đến Ngũ Linh là gồm tổng điểm của 05 quân bài trên tay người chơi có số điểm từ 21 trở xuống, rồi đến 21 điểm, 20 điểm, 19 điểm, 18 điểm, 17

điểm, 16 điểm đối với người chơi tụ con, 15 điểm đối với người cầm cái Xì Lát và nhỏ nhất là oác khi tổng điểm các quân bài trên tay người chơi lớn hơn 21 điểm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 55 ngày 02/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: Một phần khu vực sân sử dụng làm địa điểm đánh bạc có diện tích (2x2,5)m^2, được xây dựng năm 2012, có kết cấu: Lót đá 4x6 xi măng mác 50 dày 10cm; mặt láng xi măng mác 75 dày 3cm; tài sản đã qua sử dụng, trị giá 519.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 147/CT-VKS - HS ngày 28/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo bị cáo Trần Thị Diệu H, Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị B, Lê Thị M và Lê Tấn L về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, những lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là khách quan, tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình gì.

Lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra là khách quan, đầy đủ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến tháng 18 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Minh H từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến tháng 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến tháng 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến tháng 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích N từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến tháng 18 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy P từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị M từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị B từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn L từ 06 đến 09 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Diệu H từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định: Số tiền 5.470.000 đồng (Trong đó: Tạm giữ tại hiện trường 20.000 đồng; Số tiền 100.000 đồng của Nguyễn Thị Thúy P; Số tiền 1.090.000 đồng của Nguyễn Thị Bích N; Số tiền 1.170.000 đồng của Nguyễn Thị Bích T; Số tiền 600.000 đồng của Lê Thị Minh H; Số tiền 1.280.000 đồng của Trần Thị Diệu H; Số tiền 30.000 đồng của Lê Thị M; Số tiền 100.000 đồng của Nguyễn Thị T; số tiền 1.080.000 đồng của Trần Thị Mỹ Trâm) là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 cái cH1, kích thước (1,50x1,90)m; 01 cái đĩa thủy tinh, đường kính 11cm; 01 bộ bài Tú Lơ Khơ 52 đã qua sử dụng; 01 ống lon sữa hình trụ tròn, in dòng chữ MILO, màu xanh, đã qua sử dụng, là tài sản của bị can Nguyễn Thị T dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra xác định: Địa điểm các bị can sử dụng để đánh bạc là phần sân có diện tích (2x2,5)m^2 tại nhà của bị can Nguyễn T, địa chỉ: 05/1 T, phường T, thành phố B, thuộc quyền sở hữu của bị can Nguyễn Thị T. Do vậy cần truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 519.000 đồng (là trị giá phần sân có diện tích (2x2,5)m^2 địa điểm đánh bạc trái phép), để sung ngân sách nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo B trình bày quan điểm bào chữa và cho rằng: Việc truy tố và xét xử bị cáo H1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình áp dụng đầy đủ các tính tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, đồng thời áp dụng Điều 36 của bộ luật hình sự, để xử phạt cho bị cáo B mức hình phạt thấp nhất và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Các bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để được hưởng các chính sách khoan H nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị B, Lê Thị M, Lê Tấn L và Trần Thị Diệu H, tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người lám chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét hành vi của các bị cáo vào ngày 02/02/2023, tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị T quản lý, tại phường T, thành phố B, Nguyễn Thị T đã giúp sức cung cấp 01 cái cH1, 01 chiếc đĩa và bài Tú Lơ Khơ 52 lá, để các bị cáo Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị B, Lê Thị M, Lê Tấn L và Trần Thị Diệu H đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh xì lát là phạm tội "Đánh bạc", quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng pháp luật nghiêm cấm việc đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền hoặc hiện vật dưới mọi hình thức, mọi hành vi vi phạm đều bị trừng trị. Tệ nạn đánh bạc còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác.

Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi vào lúc 11 giờ ngày 02/02/2023, tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị T quản lý, ở địa chỉ: 05/1T, phường T, thành phố B, bị cáo Nguyễn Thị T đã giúp sức cung cấp 01 cái cH1, 01 chiếc đĩa và bài Tú Lơ Khơ 52 lá, để các bị cáo Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị B, Lê Thị M, Lê Tấn L và Trần Thị Diệu H, đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh xì lát để bị cáo T thu 120.000 đồng tiền xâu. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 5.470.000 đồng, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang. Cho nên đối với các bị cáo phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N dùng số tiền đánh bạc gần tương đồng nhau, bị cáo Lê Tấn L ngày 12/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng, về tội Đánh bạc, tại Bản án số 70/2018/HSST và ngày 12/6/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 06 tháng tù, về tội Đánh bạc, tại Bản án số 155/2020/HSST, nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rẹn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Nên mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N là ngang nhau vì vậy hình phạt bằng nhau và nghiêm khắc hơn bị cáo Lê Tấn L là phù hợp.

Bị cáo Trần Thị Mỹ T dùng số tiền đánh bạc là 620.000 đồng, bị cáo Lê Thị Minh H dùng số tiền đánh bạc là 580.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị T đã giúp sức cung cấp 01 cái cH1, 01 chiếc đĩa, bài Tú Lơ Khơ 52 lá và địa điểm đánh bạc để thu tiền xâu là 120.000 đồng. Nên mức phạt của các bị cáo Trần Thị Mỹ T, Thị Minh H1, Nguyễn Thị T là ngang nhau. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị M, Lê Thị B dùng số tiền vào việc đánh bạc thấp hơn các bị cáo trên nên mức hình phạt của các là ngang nhau và thấp hơn các Trần Thị Mỹ T, Thị Minh H1, Nguyễn Thị T là phù hợp.

Bị cáo Trần Thị Diệu H cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo, bị cáo H có nghề nghiệp kinh doanh và có nhà đất thuộc thửa đất số 109A, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền QSD đất số AB 515270 do UBND thành phố B cấp ngày 24/01/2005, đăng ký biến động sang tên bị cáo H ngày 22/9/2017, tọa lạc tại phường T, thành phố B nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo H cũng đủ sức răn đe và phù hợp với pháp luật.

[5]. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các bị cáo Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị B, Lê Thị M, Trần Thị Diệu H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Lê Thị B thuộc hộ nghèo, khi phạm tội đã đủ 70 tuổi, bị cáo Trần Thị Mỹ T, bị cáo Lê Thị M là Người phạm tội là phụ nữ có thai. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cầm xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan H, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Xét thấy, các bị cáo Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị B, Lê Thị M, Trần Thị Diệu H không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng và tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 35, Điều 36, Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng

án treo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền cũng đủ sức răn đe và thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cái cH1, kích thước (1,50x1,90)m; 01 cái đĩa thủy tinh, đường kính 11cm; 01 bộ bài Tú Lơ Khơ 52 đã qua sử dụng; 01 ống lon sữa hình trụ tròn, in dòng chữ MILO, màu xanh, đã qua sử dụng, là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị T dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 5.470.000 đồng (Trong đó: Tạm giữ tại hiện trường 20.000 đồng; Số tiền 100.000 đồng của Nguyễn Thị Thúy P; Số tiền 1.090.000 đồng của Nguyễn Thị Bích N; Số tiền 1.170.000 đồng của Nguyễn Thị Bích T; Số tiền 600.000 đồng của Lê Thị Minh H; Số tiền 1.280.000 đồng của Trần Thị Diệu H; Số tiền 30.000 đồng của Lê Thị M; Số tiền 100.000 đồng của Nguyễn Thị T; số tiền 1.080.000 đồng của Trần Thị Mỹ Trâm) là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1010, màu đen, số imei: 359002092188120, đã qua sử dụng cho bị cáo Lê Tấn L và số tiền 100.000 đồng tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị T vì không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Đặc điểm, số lượng như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2023 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Chấp nhận việc Cơ quan Điều tra Công an thành phố B trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 10A, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị Minh H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Thị Diệu H vì không liên quan đến hành vi phạm tội là phù hợp.

Địa điểm các bị cáo sử dụng để đánh bạc là phần sân có diện tích (2x2,5)m^2 tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị T, địa chỉ: 05/1 Trần Quý Cáp, phường T, thành phố B, thuộc quyền sở hữu của bị cáo Nguyễn Thị T. Do vậy cần truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 519.000 đồng (là trị giá phần sân có diện tích (2x2,5)m^2 địa điểm đánh bạc trái phép), để sung ngân sách nhà nước.

Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo B là có căn cứ cần chấp nhận.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Trần Thị Diệu H, Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị M và Lê Tấn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Thị B thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị M, Lê Thị B, Lê Tấn L và Trần Thị Diệu H phạm tội: "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1.1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích N 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1.3. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mỹ T 07 (B) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1.4. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Minh H 07 (B) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.5. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 07 (B) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích T cho Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

1.6. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P 15 (mười lăm) tháng, cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 12/02/2023 (09 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 27 ngày cải tại không giam giữ). Bị cáo Nguyễn Thị Thúy P còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ

ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

1.7. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị M 15 (mười lăm) tháng, cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 12/02/2023 (09 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 27 ngày cải tại không giam giữ). Bị cáo Lê Thị M còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

1.8. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị B 15 (mười lăm) tháng, cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 12/02/2023 (09 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 27 ngày cải tại không giam giữ). Bị cáo Lê Thị B còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị M, Lê Thị B cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị M, Lê Thị B phải thực hiện những nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị M, Lê Thị B.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1.9. Xử phạt bị cáo Lê Tấn L 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/02/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự.

1.10. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Diệu H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 cái cH1, kích thước (1,50x1,90)m; 01 cái đĩa thủy tinh, đường kính 11cm; 01 bộ bài Tú Lơ Khơ 52 đã qua sử dụng; 01 ống lon sữa hình trụ tròn, in dòng chữ MILO, màu xanh, đã qua sử dụng, là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị T dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu, sung Ngân sách nhà nước: Số tiền 5.470.000 đồng (Trong đó: Tạm giữ tại hiện trường 20.000 đồng; Số tiền 100.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Thúy P; Số

tiền 1.090.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Bích N; Số tiền 1.170.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Bích T; Số tiền 600.000 đồng của bị cáo Lê Thị Minh H; Số tiền 1.280.000 đồng của bị cáo Trần Thị Diệu H; Số tiền 30.000 đồng của bị cáo Lê Thị M; Số tiền 100.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị T; số tiền 1.080.000 đồng của bị cáo Trần Thị Mỹ Trâm) là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Trả lại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia HMD Global Oy Model: TA – 1010, màu đen, số imei: 359002092188120, cho bị cáo Lê Tấn L và số tiền 100.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thị T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án. (Đặc điểm, số lượng như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2023 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 519.000 đồng (là trị giá phần sân có diện tích (2x2,5)m^2 địa điểm đánh bạc trái phép), để sung ngân sách nhà nước.

Chấp nhận việc Cơ quan Điều tra Công an thành phố B trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, cho bị cáo Lê Thị B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 10A, cho bị cáo Lê Thị Minh H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, cho bị cáo Trần Thị Diệu H.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thị Diệu H, Trần Thị Mỹ T, Lê Thị Minh H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Thúy P, Lê Thị B, Lê Thị M và Lê Tấn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Thị B.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh